

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023



Hà Nội, tháng 10 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2023	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09-25

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kỳ từ 01/07/2023 đến 30/09/2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Lê Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Đặng Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Ông Hà Thị Thu Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Mạnh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/9/2023
Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/9/2023

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Đào Thị Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - O số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,  
Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ ngày 30 tháng 09 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm cho kỳ này, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Lê Văn Mạnh**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>4</b>	<b>446 500 792 161</b>	<b>355 403 152 216</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8 386 590 374</b>	<b>90 281 015 044</b>
1 Tiền	111		8 386 590 374	90 281 015 044
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>30 000 039 713</b>	<b>39 713</b>
1 Chứng khoán kinh doanh	121		35 799 713	35 799 713
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35 760 000)	(35 760 000)
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30 000 000 000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>335 181 544 500</b>	<b>227 828 141 524</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	50 046 185 714	109 780 942 316
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	284 928 199 823	117 930 532 899
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	207 158 963	116 666 309
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>69 624 583 246</b>	<b>35 771 248 592</b>
1 Hàng tồn kho	141		69 624 583 246	35 771 248 592
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3 308 034 328</b>	<b>1 522 707 343</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	67 491 590	56 113 476
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3 240 542 738	1 465 593 867
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	1 000 000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28 363 568 817</b>	<b>45 742 389 025</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13 767 890 188</b>	<b>19 658 757 218</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	8 403 556 863	12 010 090 549
- Nguyên giá	222		9 557 465 579	12 767 422 606
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1 153 908 716)	(757 332 057)
3 Tài sản cố định vô hình	227	12	5 364 333 325	7 648 666 669
- Nguyên giá	228		7 700 000 000	9 240 000 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2 335 666 675)	(1 591 333 331)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>12 902 154 320</b>	<b>24 087 916 679</b>
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12 902 154 320	24 087 916 679
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1 693 524 309</b>	<b>1 995 715 128</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1 693 524 309	1 995 715 128
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>474 864 360 978</b>	<b>401 145 541 241</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

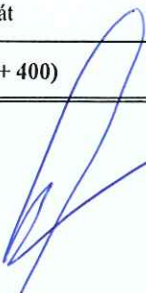
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>70 344 858 657</b>	<b>8 678 936 661</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70 344 858 657</b>	<b>8 503 779 216</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	30 616 909 799	3 971 826 709
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	547 388 119	1 214 509 722
4 Phải trả người lao động	314		642 048 332	1 766 472 416
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	380 000 000
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	16	57 169 451	289 627 413
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		37 910 000 000	310 000 000
- Các khoản đi vay ngắn hạn			37 910 000 000	310 000 000
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	526 250 000	526 250 000
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45 092 956	45 092 956
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>175 157 445</b>
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	-	175 157 445
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>404 519 502 321</b>	<b>392 466 604 580</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>404 519 502 321</b>	<b>392 466 604 580</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		296 999 910 000	296 999 910 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		296 999 910 000	296 999 910 000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		18 918 962 963	18 918 962 963
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		195 900 595	195 900 595
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76 156 336 784	64 830 635 986
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước	421a		66 637 378 331	57 839 226 671
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9 518 958 453	6 991 409 315
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12 248 391 979	11 521 195 036
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>474 864 360 978</b>	<b>401 145 541 241</b>



Phạm Thị Bích Liên  
Người lập  
Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023



Phạm Xuân Lăng  
Kế Toán Trưởng



Lê Văn Mạnh  
Giám Đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2023	Quý III/2022	Đơn vị: VND	
					Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	24 466 495 484	10 671 963 288	77 513 103 744	33 889 482 267
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	-	102 455	80 924 281
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		24 466 495 484	10 671 963 288	77 513 001 289	33 808 557 986
4 Giá vốn hàng bán	11	21	13 183 426 842	7 547 062 883	60 533 313 576	17 522 624 001
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11 283 068 642	3 124 900 405	16 979 687 713	16 285 933 985
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1 784 083 038	875 204	2 056 378 851	21 823 563
7 Chi phí tài chính	22	23	839 292 817	28 994 000	1 328 891 967	47 253 720
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		839 292 817		1 328 891 967	18 259 720
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-		-	-
9 Chi phí bán hàng	25	24	427 098 028	686 570 620	427 385 530	1 057 163 027
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2 100 326 272	2 199 481 064	6 915 564 562	6 357 161 812
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)	30		9 700 434 563	210 729 925	10 364 224 505	8 846 178 989
12 Thu nhập khác	31	26			2 415 000	30 497 086
13 Chi phí khác	32	27	201 730 309	24 174 202	207 617 232	90 506 565
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(201 730 309)	(24 174 202)	(205 202 232)	(60 009 479)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9 498 704 254	186 555 723	10 159 022 273	8 786 169 510
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	121 509 876		512 866 877	218 795 507
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28				

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2023	Quý III/2022	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9 377 194 378	186 555 723	9 646 155 396	8 567 374 003
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		9 312 037 300	219 612 193	9 518 958 453	8 465 522 241
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		65 157 078	(33 056 470)	127 196 943	101 851 762
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	29	395	6	407	288

*[Handwritten signature]*

Phạm Thị Bích Liên  
 Người lập  
 Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

Phạm Xuân Lãng  
 Kế Toán Trưởng



Lê Văn Mạnh  
 Giám Đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường  
Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023  
đến ngày 30/09/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	131 926 031 216	27 239 280 239
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(377 516 089 802)	(91 265 931 767)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3 864 015 599)	(3 489 970 650)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1 328 891 967)	(5 753 425)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1 140 682 775)	(886 751 770)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	133 146 285 093	81 067 132 707
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5 853 427 554)	(23 895 700 635)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>(124 630 791 388)</b>	<b>(11 237 695 301)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9 131 364)	(209 903 280)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(111 000 000 000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	81 000 000 000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(70 140 000 000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	34 600 000 000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	544 898 082	22 045 793 967
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>5 135 766 718</b>	<b>(48 304 109 313)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	600 000	160 209 970 000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	37 910 000 000	540 330 000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(310 000 000)	(12 341 330 000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (40=31+32+33+34+35+36)</i>	<b>40</b>	<b>37 600 600 000</b>	<b>148 408 970 000</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	<b>50</b>	<b>(81 894 424 670)</b>	<b>88 867 165 386</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	90 281 015 044	8 646 594 565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	<b>70</b>	<b>8 386 590 374</b>	<b>97 513 759 951</b>

*[Signature]*

Phạm Thị Bích Liên  
Người lập  
Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

Phạm Xuân Lăng  
Kế Toán Trưởng

Lê Văn Mạnh  
Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON  
Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng  
Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023  
đến ngày 30/09/2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

### I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký vốn điều lệ thực góp đến 30/09/2023 là 296 999 910 000 đồng; tương đương 29 699 991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10 000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại 30/09/2023 là 07 người

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;

Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;

Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;

#### Cấu Trúc Doanh Nghiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**Cấu trúc Công ty**

**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 05
- Số lượng công ty con gián tiếp được hợp nhất: 02
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 2

**Danh sách các Công ty sở hữu trực tiếp tại ngày 30/09/2023**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ VND	Vốn thực góp tại 30/09/2023 VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và - Môi Trường Hạ Long Tokyo (1)	Lô A15, Cụm Công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	50 000 000 000	49 940 000 000	99,98%	99,98%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
- Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (2)	Số 173 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	47 868 000 000	38 868 000 000	81,20%	81,20%	Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), Khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở).
- Công ty CP Công nghệ cao G7 (3)	Khu Công Nghiệp Sông Hậu - Giải đoạn 1, Xã Đông Phú, H. Châu Thành, T. Hậu Giang, Việt Nam	70 000 000 000	68 600 000 000	98,00%	98,00%	Sản xuất thực phẩm chưa được phân vào đâu.
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba - Đình (4)	Số 37A Dốc Phục sơn, đường Đê La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5 000 000 000	4 900 000 000	98,00%	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
Công ty Cổ phần Sản Xuất Phần - Mềm Vinam (5)	Phòng số 302 tầng 3, Toà tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội, Việt Nam	30 000 000 000	29 400 000 000	98,00%	98,00%	Lập trình phần mềm máy vi tính.
<b>Cộng</b>		<b>202 868 000 000</b>	<b>191 708 000 000</b>			

Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tiền thân là Công ty Cổ phần Vinam Quảng Ninh: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 18/11/2019/NQHĐQT/CVN ngày 18/11/2019; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702024681 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp 5.940.000.000 đồng chiếm 99% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 4 ngày 07/09/2022, Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tăng vốn lên 50.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 49.940.000.000 đồng tương đương 99,98%. Đến 30/06/2023, Công ty đã góp đủ 49.940.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, Khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty TNHH Vinam Sài Gòn: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 1410/2019/NQHQQT/CVN ngày 14/10/2019; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315980715 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp là 21.000.000.000 đồng chiếm 70% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 5 ngày 09/09/2022, Công ty TNHH Vinam Sài Gòn tăng vốn lên 47.868.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 38.868.000.000 đồng tương đương 81,20%. Đến ngày 30/06/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp đủ 38.868.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

(2) Công ty Cổ phần Công nghệ eao G7: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 0302/2021/NQHQQT/CVN ngày 03/02/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300345278 đăng ký lần đầu ngày 03/6/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp với vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 49.000.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp đủ số vốn cam kết.

(3) Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 2907/2021/NQHQQT/CVN ngày 29/7/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109729993 đăng ký lần đầu ngày 06/8/2021, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 15/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 4.900.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 4.900.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

(4) Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 011/2021/NQHQQT/CVN ngày 04/11/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109803330 đăng ký lần đầu ngày 05/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam cam kết góp 29.400.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 29.400.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**Danh sách các Công ty sở hữu gián tiếp tại ngày 30/06/2023**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ VND	Vốn thực góp tại 30/09/2023 VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Công nghệ cao Y tế và - Môi trường Lạng Sơn Tokyo (6)	Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	15 000 000 000	14 850 000 000	80.39%	80.39%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty CP Công nghệ cao Y tế và - Môi trường Móng Cái Tokyo (7)	Khu 7, Phường Hải Yên, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	10 000 000 000	9 900 000 000	98.98%	98.98%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
<b>Cộng</b>		<b>25 000 000 000</b>	<b>24 750 000 000</b>			

Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo được thành lập theo Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vinam Sài Gòn số 23/2021/QĐ-HĐTV ngày 01/11/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 4900880900 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp với vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty TNHH Vinam Sài Gòn góp tại 30/06/2023 là 14.850.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 99% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo được thành lập theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo số 01/2021/NQHĐT/HLTKYO ngày 19/08/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 5702095185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2021 với vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo góp tại 30/06/2023 là 9.900.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 99% vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023  
đến ngày 30/09/2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 2 CHUẨN MỰC VÀ CHIẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hơn nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

### Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

*Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con:* Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ.

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023  
đến ngày 30/09/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### Doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm chỉ diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt	7 454 501 002	12 720 024 944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	932 089 372	77 560 990 100
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<u>8 386 590 374</u>	<u>90 281 015 044</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Tầng 1, Lô BT5 - Ô số 36, Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Phường Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Chứng khoán kinh doanh**

	30/09/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	0	0	0	0	0	0
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 CP)	35 799 713	39 713	(35 760 000)	35 799 713	39 713	(35 760 000)
(i)	35 799 713	39 713	(35 760 000)	35 799 713	39 713	(35 760 000)
	<b>35 799 713</b>	<b>39 713</b>	<b>(35 760 000)</b>	<b>35 799 713</b>	<b>39 713</b>	<b>(35 760 000)</b>
	30/06/2023			01/01/2023		

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư tài chính ngắn hạn 30 000 000 000

Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 giá trị hợp lý các khoản đầu tư phải được trình bày. Tuy nhiên công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư với công ty niêm yết đến thời điểm 30/09/2023. Đối với các công ty chưa niêm yết, công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

### 6 . PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện SARA (i)	-	-	66 714 708 262	-
Công ty Cổ phần trang thiết bị vật tư y tế Phương Nam	7 228 007 720	-	12 830 772 418	-
Công ty Cổ phần Omega Việt Nam	901 195 153	-	1 031 095 056	-
Bệnh viện sản nhi Phú Thọ	95 370 000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn	-	-	7 278 322 500	-
JWB CO.,LTD	-	-	5 548 293 450	-
KYOTO F&B Co., LTD	-	-	2 774 262 300	-
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Nam Sài Gòn	15 095 637 300	-	2 372 982 174	-
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Tô Hiến Thành	-	-	2 372 982 174	-
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường cần thơ	-	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại AT & T	16 023 000 000	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật	2 575 920 341	-	2 648 904 982	-
Công ty cổ phần phòng khám hóa bình	1 365 000 000	-	4 514 680 000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Lou	6 400 660 000	-	-	-
Các đối tượng khác	361 395 200	-	1 693 939 000	-
	<b>50 046 185 714</b>	-	<b>109 780 942 316</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Tầng 1, Lô BTS - Ô số 36, khu đô thị mới Pháp Vân - Từ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/09/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn (1)	8 992 255 343	-	29 110 322 543	-
Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam (2)	-	-	38 650 000 000	-
Công ty Cổ phần Kampeki Nhật Bản (3)	33 000 000 000	-	22 188 438 356	-
Công ty cổ phần đầu tư bệnh viện Sara	29 000 000 000	-	-	-
Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao (4)	29 000 000 000	-	24 375 000 000	-
Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường cần thơ	25 000 000 000	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật cao cần thơ	21 888 000 000	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Y Học Nhật (5)	25 000 000 000	-	-	-
Công ty CP đầu tư LOU	11 000 000 000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại Máy nông nghiệp Hòa Bình	101 719 970 000	-	3 000 000 000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thiết bị Y tế Kiến Tạo	-	-	198 000 000	-
Trả trước các đối tượng khác	327 974 480	-	408 772 000	-
	<b>284 928 199 823</b>	-	<b>117 930 532 899</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

**8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2023	01/01/2023
Tạm ứng	80 246 400.00	23 666 309
Đặt cọc tiền nhà	15 000 000.00	93 000 000
Cho mượn	-	-
Các khoản chi hộ	-	-
Phải thu khác	121 877 696	-
	<b>217 124 096</b>	<b>116 666 309</b>

**9 HÀNG TON KHO**

	30/09/2023	01/01/2023
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	79 254 247
Công cụ, dụng cụ	-	37 962 963
Hàng hoá	69 624 583 246	35 654 031 382
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuê	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
	<b>69 624 583 246</b>	<b>35 771 248 592</b>

**10 TÀI SẢN DỜ ĐANG DÀI HẠN**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2023	01/01/2023
Mua sắm tài sản cố định		
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (i)	2 958 460 035	2 845 162 035
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (ii)	6 090 503 830	6 090 503 830
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Thanh Sơn (iii)	-	4 601 272 727
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Ba Đình (iv)	3 454 662 273	3 454 662 273
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Nguyễn Thái Sơn (v)	-	6 400 272 727
- Máy tiệt trùng thực phẩm RCS-120	-	49 000 000
- Mua sắm tài sản cố định khác	398 528 182	647 043 087
	<b>12 902 154 320</b>	<b>24 087 916 679</b>

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2023	8 944 579 310	8 944 579 310
Mua sắm	612 886 269	612 886 269
Tại ngày 30/09/2023	<b>9 557 465 579</b>	<b>9 557 465 579</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2023	(445 946 657)	(445 946 657)
Trích khấu hao	(707 962 059)	(707 962 059)
Tại ngày 30/09/2023	<b>(1 153 908 716)</b>	<b>(1 153 908 716)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	9 398 632 657	9 398 632 657
Tại ngày 30/09/2023	<b>8 403 556 863</b>	<b>8 403 556 863</b>

**12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2023	7 700 000 000	7 700 000 000
Mua sắm	-	-
Tại ngày 30/09/2023	<b>7 700 000 000</b>	<b>7 700 000 000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2023	(1 334 666 669)	(1 334 666 669)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trích khấu hao	(1 001 000 006)	(1 001 000 006)
Tại ngày 30/09/2023	(2 335 666 675)	(2 335 666 675)
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	9 034 666 669	9 034 666 669
Tại ngày 30/09/2023	5 364 333 325	5 364 333 325

**13 TÀI SẢN NGẮN VÀ DÀI HẠN KHÁC**

	30/09/2023	01/01/2023
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê văn phòng	-	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	-
Chi phí đi vay	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	67 491 590	56 113 476
	<b>67 491 590</b>	<b>56 113 476</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	-	-
Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp	-	-
Tiền thuê đất	1 300 886 058	1 320 794 961
Chi phí thuê nhà xưởng	-	-
Chi phí tác quyền	-	242 413 494
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1 570 204	2 276 794
Chi phí mua bảo hiểm	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	391 068 047	430 229 879
	<b>1 693 524 309</b>	<b>1 995 715 128</b>

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH IVFTECH	199 861 500	199 861 500	531 193 517	531 193 517
Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO	85 000 000	85 000 000	-	-
Công ty TNHH Thương mại AT&T	-	-	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitracco	-	-	627 272 730	627 272 730
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Cysina Việt Pháp	324 659 000	324 659 000	349 633 500	349 633 500
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ	8 725 440 000	8 725 440 000	1 412 899 619	1 412 899 619
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ	20 082 000 000	20 082 000 000	-	-
Công ty cổ phần phòng khám Tân Triều	945 000 000	945 000 000	-	-
Công ty Liên doanh Kho lạnh Panasato	-	-	142 742 077	142 742 077
Công ty Cổ phần ME77 Việt Nam	159 787 500	159 787 500	-	-
JWB CO., LTD	-	-	237 952 000	237 952 000
Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN	-	-	-	-
Các đối tượng khác	95 161 799	95 161 799	670 133 266	670 133 266
	<b>30 616 909 799</b>	<b>30 616 909 799</b>	<b>3 971 826 709</b>	<b>3 971 826 709</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
Thuế Giá trị gia tăng			-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		34 212 000	34 212 000	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1 140 682 775	512 866 877	1 140 682 775	512 866 877
Thuế Thu nhập cá nhân	73 826 947	104 294 645	143 600 350	34 521 242
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác		28 000 000	28 000 000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	23 000 000	23 000 000	-
	<b>1 214 509 722</b>	<b>702 373 522</b>	<b>1 369 495 125</b>	<b>547 388 119</b>

**16 PHAI TRA NGAN HẠN KHÁC**

**a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/09/2023	01/01/2023
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	-	10 869 000
Bảo hiểm xã hội	20 094 844	32 321 862
Bảo hiểm y tế	3 384 756	3 384 756
Bảo hiểm thất nghiệp	1 505 048	1 712 585
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
Phải trả lãi vay	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32 184 803	241 339 210
	<b>57 169 451</b>	<b>289 627 413</b>

**17 Dự phòng phải trả ngắn hạn**  
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa

	30/09/2023	01/01/2023
	526 250 000	526 250 000
	<b>526 250 000</b>	<b>526 250 000</b>

**28) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	175 157 445
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
	-	<b>175 157 445</b>

**18 VON CHU SỞ HỮU**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/09/2023	01/01/2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu kỳ	-	-
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ này	-	-

**d) Cổ phiếu**

	30/09/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29 699 991	29 699 991
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu phổ thông	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu phổ thông	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10 000	10 000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

e) Các quỹ công ty

	30/09/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	195 900 595	195 900 595
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	<b>195 900 595</b>	<b>195 900 595</b>

**19 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Doanh thu bán thành phẩm		
Doanh thu bán hàng hóa	24 466 495 484	10 671 963 288
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
	<b>24 466 495 484</b>	<b>10 671 963 288</b>

**20 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Chiết khấu thương mại	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
	<b>-</b>	<b>-</b>

**21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13 183 426 842	7 547 062 883
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
	<b>13 183 426 842</b>	<b>7 547 062 883</b>

**22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	680 203 323	875 204
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1 079 103 948	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	-
	<b>1 759 307 271</b>	<b>875 204</b>

**23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Lãi tiền vay	839 292 817	
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	28 994 000
Chi phí tài chính khác	-	-
	<b>839 292 817</b>	<b>28 994 000</b>

**24 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Chi phí bán hàng	427 098 028	686 570 620
Chi phí khác bằng tiền		
Chi phí bảo hành	-	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	-	-
	<b>427 098 028</b>	<b>686 570 620</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

**25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí nhân công	933 435 991	2 199 481 064
Chi phí khấu hao tài sản cố định	768 448 363	-
Thuế, phí, lệ phí	3 604 333	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373 802 099	-
Chi phí khác bằng tiền	21 035 486	-
	<b>2 100 326 272</b>	<b>2 199 481 064</b>

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Thu nhập khác	-	-
	<b>-</b>	<b>-</b>

**27 CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Chi phí khác	201 730 309	24 174 202
	<b>201 730 309</b>	<b>24 174 202</b>

**28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9 498 704 254	186 555 723
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>121 509 876</b>	<b>-</b>

**29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/07/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/07/2022 đến 30/09/2022
Lợi nhuận sau thuế	9 377 194 378	-
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9 377 194 378	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân kỳ này	23 714 831	19 799 994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>395.00</b>	<b>-</b>

**26 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2023 là số liệu của ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán chuyển sang và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ 01/07/2023 đến 30/09/2023 do Công ty tự lập.

Phạm Thị Bích Liên  
Người lập

Phạm Xuân Lăng  
Kế toán trưởng

Lê Văn Mạnh  
Giám đốc